TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS-ST
Ngày 30-7-2020
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: 02 M, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 312/NHNoIGĐGL-GUQ ngày 31/10/2019 của Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai): Bà Lê Nguyễn Thanh U, chức vụ: Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; Địa chỉ: A, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L; Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai (Ngân hàng) cho vợ chồng ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 210/2017/HĐTD ngày 11-01-2017 kèm Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 02 ngày 13-01-2018 với số tiền 150.000.000 đồng. Mục đích vay để Chăm sóc 1,6 ha cà phê và sữa chữa tường rào sân vườn. Lãi suất: 10%/năm (tại thời điểm vay). Thời hạn vay: 12 tháng. Phân kỳ hạn trả nợ: 01 kỳ vào ngày 13-01-2019. Kỳ hạn trả lãi tiền vay: Trả lãi tiền vay 3 tháng/lần vào ngày 13 của tháng thứ 3 (có thỏa thuận trả lãi hàng tháng). Để đảm bảo cho khoản vay, giữa Ngân hàng với ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 970116/TĐTC ngày 14-01-2016, tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 41, diện tích 4.060m^2, tại xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy bản nhân dân

huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 301789 ngày 07-7-2015, mang tên Hà Văn B.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 13-01-2018 đến ngày 14-01-2019, ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm tiền gốc và tiền lãi, từ ngày 15-01-2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Do ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L trả phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30-7-2020 là 46.027.397 đồng, gồm nợ lãi trong hạn là 11.383.562 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.643.835 đồng. Tổng cộng là 196.027.397 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Bằng và bà L cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Bằng và bà L.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản gốc Đơn khởi kiện; Bản sao Quyết định số 287/QĐ-NHNo-TCTL ngày 22-02-2019 về việc bổ nhiệm lại cán bộ của Ngân hàng N; Bản sao Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19-6-2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của Ngân hàng N; Văn bản ủy quyền số 308/NHNoIGĐGL-GUQ ngày 31/10/2019 của Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; bản sao Quyết định số 600.QĐ-HĐTV ngày 23-4-2012 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng N; bản photo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; bản sao Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 14-01-2016; bản sao Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 970116/TĐTC ngày 14-01-2016; bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 301789 ngày 07-7-2015; bản sao Hợp đồng tín dụng số 210/2017/HĐTD ngày 11-01-2017; bản sao Biên bản xác minh ngày 10-12-2018; bản sao Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 02; bản photo Theo dõi phát tiền vay và ký hạn trả nợ; bản sao Thông báo lãi chậm trả ngày 12-7-2018; bản sao Thông báo lãi chậm trả ngày 28-9-2018; bản gốc giấy báo nợ lãi đến hạn ngày 01-7-2018; bản sao Biên bản xác minh ngày 13-8-2018; bản sao Biên bản xác minh ngày 04-3-2019; 02 bản gốc Bảng kê tính lãi; bản gốc Giấy ủy quyền số 312 ngày 31-20-2019; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi tài liệu, chứng cứ; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải; 01 bảng kê tính lãi; 02 Bản gốc Biên bản xác minh ngày 09-10-2019; 02 bản gốc Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; bản gốc Công văn số 72 ngày 20-12-2019 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện G.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều

228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Khi thụ lý, Tòa án xác định là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", nay Hội đồng xét xử xác định lại cho phù hợp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 210/2017/HĐTD ngày 11-01-2017 kèm Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 02 ngày 13-01-2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc bị đơn là ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L trả phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ đến ngày 30-7-2020 là 196.027.397 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.383.562 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.643.835 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 970116/TĐTC ngày 14-01-2016, tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 41, diện tích 4.060m^2, tại xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy bản nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 301789 ngày 07-7-2015, mang tên Hà Văn B. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 21-02-2020 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.400.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến ngày 30-7-2020 là 196.027.397 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 11.383.562 đồng (Mười một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 34.643.835 (Ba mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng) đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L trả hết nợ.

3. Trong trường hợp ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 171, tờ bản đồ số 41, diện tích 4.060m^2, tại xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy bản nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 301789 ngày 07-7-2015, mang tên Hà Văn B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 970116/TĐTC ngày 14-01-2016 được ký kết giữa Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai với ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.801.370 đồng (Chín triệu tám trăm không một nghìn ba trăm bảy mươi đồng). Ngân hàng N không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.437.842 đồng (Bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005797 ngày 08-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 7 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mý và bà Nguyễn Thị Lan

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L; Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về pháp luật áp dụng:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2.2. Buộc ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến ngày 30-7-2020 là 196.027.397 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu

không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 11.383.562 đồng (Mười một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 34.643.836 (Ba mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L trả hết nợ.

2.3. Trong trường hợp ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 171, tờ bản đồ số 41, diện tích 4.060m^2, tại xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy bản nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 301789 ngày 07-7-2015, mang tên Hà Văn B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 970116/TĐTC ngày 14-01-2016 được ký kết giữa Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai với ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L.

2.4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.5. Buộc ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

2.6. Về án phí: Buộc ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.801.370 đồng (Chín triệu tám trăm không một nghìn ba trăm bảy mươi đồng). Ngân hàng N không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.437.842 đồng (Bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005797 ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 40 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đính